

ỦY BAN THỂ DỤC THỂ THAO

# LUẬT ĐÁ CẦU



NHÀ XUẤT BẢN THỂ DỤC THỂ THAO

ỦY BAN THỂ DỤC THỂ THAO

LUẬT  
ĐÁ CẦU

NHÀ XUẤT BẢN THỂ DỤC THỂ THAO  
HÀ NỘI - 2007

**QUYẾT ĐỊNH**  
**VỀ VIỆC BAN HÀNH LUẬT ĐÁ CẦU**

**BỘ TRƯỞNG, CHỦ NHIỆM ỦY BAN THỂ DỤC THỂ THAO**

Căn cứ Nghị định số 22/2003/NĐ-CP ngày 11-3-2003 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ủy ban Thể dục thể thao:

Căn cứ vào việc thay đổi Luật thi đấu của Liên đoàn Đá cầu thế giới.

Xét yêu cầu về phát triển và nâng cao thành tích môn Đá cầu ở nước ta.

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Thể thao thành tích cao II.

**QUYẾT ĐỊNH:**

Điều 1. Ban hành Luật Đá cầu gồm 19 điều.

Điều 2. Luật này áp dụng thống nhất trong các cuộc thi đấu toàn quốc và quốc tế tại nước ta.

Điều 3. Điều lệ các cuộc thi đấu toàn quốc không được trái với những điều ghi trong Luật này.

Điều 4. Luật này thay thế cho Luật Đá cầu ban hành kèm theo Quyết định số: 427/1999/QĐ/UBTDTT ngày 03 tháng 5 năm 1999 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Thể dục thể thao.

Điều 5. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký. Các ông Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Thể thao thành tích cao II, Giám đốc các Sở Thể dục thể thao, Thủ trưởng các Vụ, Đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

**BỘ TRƯỞNG, CHỦ NHIỆM**

**Nguyễn Danh Thái**

*(Đã ký)*

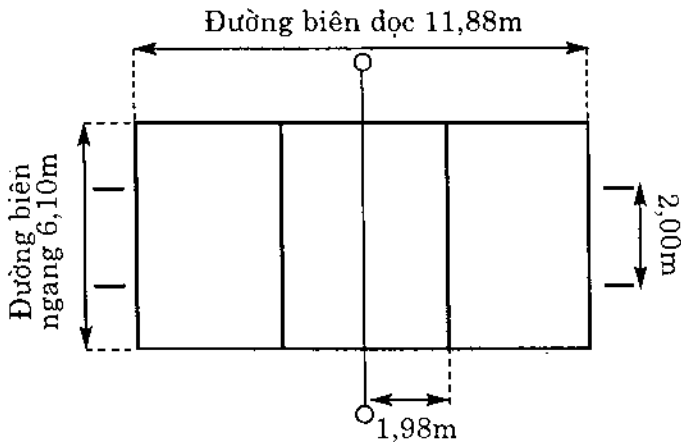
# LUẬT ĐÁ CẦU

## ĐIỀU 1. SÂN

1.1. Sân thi đấu (hình 1) là một mặt phẳng cứng hình chữ nhật có kích thước chiều dài 11,88m, chiều rộng 6,10m tính đến mép ngoài của đường giới hạn. Sân thi đấu không bị vật cản trong khoảng chiều cao 8m tính từ mặt sân.

1.2. Các đường giới hạn:

- Đường phân đôi sân: Nằm ở phía dưới lưới, chia sân thành 2 phần bằng nhau.
- Đường giới hạn khu vực tấn công cách 1,98m và chạy song song với đường phân đôi sân.



Hình 1

- Đường (tường tượng) giới hạn khu vực phát cầu kéo dài 0,2m về phía sau nằm giữa đường biên ngang có khoảng cách là 2,00m (có dứt quãng 0,04m).

Những đường giới hạn phải có màu phân biệt với màu sân, rộng 0,04m và nằm trong phạm vi của sân.

## **ĐIỀU 2. LƯỚI**

**2.1.** Lưới rộng 0,75m dài tối thiểu là 7,10m, các mắt lưới có kích thước là 0,019m x 0,019m. Mép trên và mép dưới của lưới được viền bởi một băng vải gấp đôi rộng 0,04m - 0,05m và được luồn sợi dây thường hoặc dây nilông giữ cho căng lưới. Lưới được treo trên cột căng lưới, hai cột căng lưới được dựng thẳng đứng ở hai đầu đường phân đôi của sân thi đấu. Hai cột căng lưới phải để ở ngoài sân, cách đường biên dọc 0,50m.

**2.2.** Chiều cao của lưới:

2.2.1. Chiều cao của lưới đối với nữ và nữ trẻ: 1,50m.

2.2.2. Chiều cao của lưới đối với nam và nam trẻ: 1,60m.

2.2.3. Chiều cao của lưới đối với thiếu niên: 1,40m.

2.2.4. Chiều cao của lưới đối với nhi đồng: 1,30m.

2.2.5. Chiều cao của đỉnh lưới ở giữa lưới được phép có độ võng không quá 0,02m.

### **ĐIỀU 3. CỘT LƯỚI VÀ ĂNGTEN**

**3.1.** Cột lưới phải cao tối đa: 1,70m.

**3.2.** Vị trí của các cột lưới được dựng đứng hoặc chôn cố định trên đường phân đôi sân kéo dài cách đường biên dọc là 0,50m.

**3.3.** Cột Ăngten: Có chiều dài 1,20m; đường kính 0,01m; cao hơn so với mép trên của lưới là 0,44m. Trên cột Ăngten được vẽ bằng những mẫu sáng tương phản với tiết diện 10cm.

### **ĐIỀU 4. QUẢ CẦU**

- Cầu đá Việt Nam 202.

+ Chiều cao 0,131m; rộng 0,06m

+ Trọng lượng 14 gam  $\pm$  0,1.

## **ĐIỀU 5. GHẾ TRỌNG TÀI**

- 5.1.** Ghế trọng tài chính có chiều cao từ 1,30m - 1,50m được đặt chính giữa sau cột lưới, trên đường phân đôi sân kéo dài và cách cột lưới 0,50m.
- 5.2.** Ghế trợ lý trọng tài (trọng tài số 2) có chiều cao từ 0,80 - 1,00m đặt phía ngoài cột lưới đối diện với trọng tài chính và cách cột lưới là 0,50m.

## **ĐIỀU 6. ĐẤU THỦ**

- 6.1.** Trận đấu đơn diễn ra giữa hai đội, mỗi đội có một đấu thủ.
- 6.2.** Trận đấu đôi diễn ra giữa hai đội, mỗi đội có hai đấu thủ.
- 6.3.** Trận đấu đội diễn ra giữa hai đội, mỗi đội có ba đấu thủ.
- 6.4.** Trận đấu đồng đội diễn ra giữa hai đội, mỗi đội có tối đa là chín đấu thủ và tối thiểu là sáu đấu thủ. Thi đấu theo thứ tự: đơn, đôi, đội, đôi, đơn.
- 6.5.** Mỗi đấu thủ chỉ được phép thi đấu không quá hai nội dung trong nội dung đồng đội (kể cả nội dung đội 3 đấu thủ).

- 6.6.** Mỗi đấu thủ chỉ được phép thi đấu không quá hai nội dung trong một giải (kể cả nội dung đồng đội).

## **ĐIỀU 7. TRANG PHỤC**

### **7.1. Trang phục thi đấu:**

- 7.1.1. Đấu thủ phải mặc quần áo thi đấu thể thao và đi giày thể thao hoặc giày chuyên dụng của Đá cầu. Trang phục của đấu thủ được coi là một phần của cơ thể đấu thủ, áo phải bỏ trong quần.
- 7.1.2. Đội trưởng của mỗi đội phải đeo băng đội trưởng ở cánh tay trái.
- 7.1.3. Áo của đấu thủ phải có số ở sau lưng và phía trước. Mỗi đấu thủ phải đeo một số áo cố định trong suốt giải. Mỗi đấu thủ được quyền sử dụng 1 số trong các số từ: 1-15. Chiều cao tối thiểu của số ở sau lưng là: 0,20m và ở đằng trước là: 0,10m.
- 7.1.4. Trong thi đấu đôi và thi đấu 3 đấu thủ, các đấu thủ cùng 1 đội phải mặc trang phục thi đấu có cùng



màu sắc và giống nhau (đồng phục).

**7.2.** Trang phục chỉ đạo viên và huấn luyện viên: Phải mặc trang phục thể thao (quần dài) và đi giày thể thao.

**7.3.** Trang phục Trọng tài: phải mặc áo trắng, quần sẫm màu đi giày mô ca (Tây).

## **ĐIỀU 8. THAY NGƯỜI**

**8.1.** Được phép thay đấu thủ ở bất cứ thời điểm nào (được thay 03 đấu thủ trong một hiệp), theo yêu cầu của lãnh đội hoặc đội trưởng của mỗi đội đối với trọng tài chính khi cầu dừng. Mỗi đội được đăng ký 3 đấu thủ dự bị ở nội dung đội còn các nội dung đơn, đôi không có đấu thủ dự bị.

**8.2.** Trong thi đấu, khi trọng tài truất quyền thi đấu của một đấu thủ:

- Ở nội dung đội thì đội đó được quyền thay đấu thủ khác nếu như đội đó chưa thực hiện thay người trong hiệp đấu đó. Nếu đã thực hiện thay người rồi thì bị xử thua.

- Ở nội dung đôi và đơn thì đội đó bị xử thua.

## **ĐIỀU 9. TRỌNG TÀI**

Trận đấu được điều hành bởi những Trọng tài sau:

- 9.1.** Một trọng tài chính.
- 9.2.** Một trợ lý trọng tài (số 2).
- 9.3.** Trọng tài bàn.
- 9.4.** Một trọng tài lật số.
- 9.5.** Hai trọng tài biên.

## **ĐIỀU 10. BẮT THĂM VÀ KHỞI ĐỘNG**

Trước khi thi đấu và trước khi bắt đầu vào hiệp thứ ba, hai bên bắt thăm. Bên nào được thăm có quyền chọn sân hoặc cầu. Bên kia được chọn phần còn lại. Bên được thăm sẽ khởi động trước trong 2 phút, sau đó đến bên kia. Chỉ huấn luyện viên hoặc chỉ đạo viên mới được phép vào sân khởi động cùng với đấu thủ chính thức.

## **ĐIỀU 11. VỊ TRÍ CỦA CÁC ĐẤU THỦ**

- 11.1.** Khi bắt đầu trận đấu, các đấu thủ của mỗi đội phải đứng ở vị trí tương ứng trên phần sân của mình trong tư thế sẵn sàng.

**11.2.** Đấu thủ phát cầu phải đặt chân trụ phía ngoài sân thi đấu ở khu giới hạn phát cầu.

**11.3.** Đấu thủ bên đỡ phát cầu phải đứng trong phạm vi sân thi đấu của mình và được di chuyển tự do trong phần sân của mình.

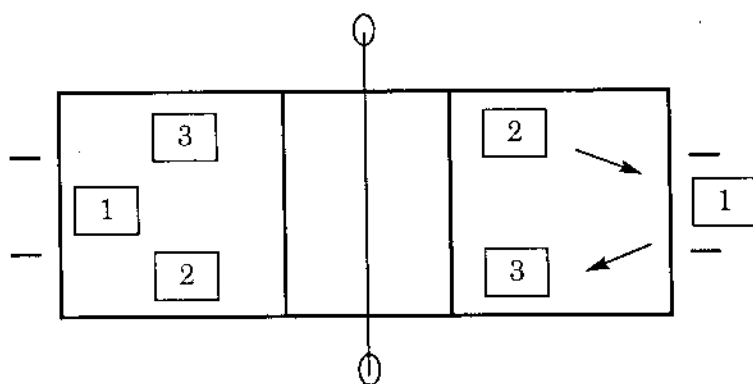
**11.4.** Vị trí đấu thủ trong thi đấu đôi và đội:

Phát cầu:

- Thi đấu đôi: Khi một đấu thủ phát cầu, đấu thủ còn lại không được đứng trong đường tưởng tượng nối khu vực phát cầu hai bên và không được có những hành động lời nói làm ảnh hưởng đến sự tập trung của đối phương.

- Thi đấu đội: Khi đấu thủ số 1 phát cầu, đấu thủ số 2 - 3 đứng trong sân (2 bên phải, 3 bên trái) và không được đứng trong đường tưởng tượng nối khu vực phát cầu hai bên.

Đỡ phát cầu đội: Phải đứng đúng vị trí 1 - 2 - 3 theo đăng ký (số 1 phải đứng gần đường biên ngang sân mình nhất và ở trong khoảng cách hình chiếu của số 2 và 3). Số 2 và số 3 phải đứng gần lưới và đường biên dọc bên mình hơn số 1.



## ĐIỀU 12. BẮT ĐẦU TRẬN ĐẤU VÀ PHÁT CẦU

**12.1.** Bên phát cầu trước sẽ bắt đầu hiệp đấu đầu tiên. Bên nào thắng sẽ tiếp tục giành quyền phát cầu ở hiệp thứ hai.

**12.2.** Phải phát cầu ngay khi trọng tài công bố điểm. Đấu thủ cố tình trì hoãn, trọng tài sẽ nhắc nhở và nhắc nhở đến lần thứ hai thì sẽ bị bắt lỗi và một điểm cho đối phương.

**12.3.** Khi phát cầu, ngay sau khi đấu thủ tiếp xúc với cầu, tất cả các đấu thủ còn lại được phép tự do di chuyển trên phần sân của mình.

**12.4.** Cấm bất cứ vật trợ giúp nào từ bên ngoài

làm tăng tốc độ của quả cầu và sự di chuyển của đấu thủ.

### **12.5. Phát cầu lại:**

- Cầu mắc vào lưới khi đang thi đấu, ngoại trừ lần chạm cầu cuối cùng.
- Các bộ phận của quả cầu bị rơi ra trong khi thi đấu.
- Cầu được phát đi trước khi trọng tài ra ký hiệu phát cầu.
- Do khách quan làm ảnh hưởng đến thi đấu.

## **ĐIỀU 13. CÁC LỖI**

### **13.1. Lỗi của bên phát cầu:**

- 13.1.1. Đấu thủ phát cầu trong khi thực hiện động tác nhưng giẫm chân vào đường biên ngang hoặc đường giới hạn khu vực phát cầu.
- 13.1.2. Đấu thủ phát cầu không qua lưới hoặc qua nhưng chạm lưới.
- 13.1.3. Cầu phát chạm vào đồng đội hoặc bất cứ vật gì trước khi bay sang phần sân đối phương.

13.1.4. Quả cầu bay qua lưới nhưng rơi ra ngoài sân.

13.1.5. Đấu thủ phát cầu làm các động tác trì hoãn và làm rơi cầu xuống đất sau khi trọng tài đã ra ký hiệu cho phát cầu (tối đa là 5 giây).

13.1.6. Phát cầu không đúng thứ tự trong thi đấu.

### **13.2. Lỗi của bên đỡ phát cầu:**

13.2.1. Có hành vi gây mất tập trung, làm ồn hoặc la hét nhằm vào đối thủ.

13.2.2. Chân chạm vào các đường giới hạn khi đối phương phát cầu.

13.2.3. Đỡ cầu dính hoặc lăn trên bất cứ bộ phận nào của cơ thể.

### **13.3. Lỗi đối với cả hai bên trong trận đấu:**

13.3.1. Đấu thủ chạm cầu ở bên sân đối phương.

13.3.2. Để bất cứ bộ phận nào của cơ thể sang phần sân đối phương dù ở trên hay dưới lưới.

- 13.3.3. Cầu chạm cánh tay.
- 13.3.4. Dừng hay giữ cầu dưới cánh tay, giữa hai chân hoặc trên người.
- 13.3.5. Bất cứ phần nào của cơ thể hay trang phục của đấu thủ chạm vào lưới, cột lưới, ghế trọng tài hay sang phần sân đối phương.
- 13.3.6. Cầu chạm vào trần nhà, mái nhà hay bất cứ vật cản nào khác.
- 13.3.7. Nội dung đơn chạm cầu quá 2 lần.
- 13.3.8. Nội dung đôi và đội: 1 đấu thủ chạm cầu quá 2 lần liên tiếp, 1 bên quá 4 chạm.

## **ĐIỀU 14. HỆ THỐNG TÍNH ĐIỂM**

- 14.1. Bất cứ bên nào (giao cầu hay nhận giao cầu) phạm lỗi, đối phương được 1 điểm và giành quyền giao cầu.
- 14.2. Điểm thắng của hiệp đấu là 21, trừ trường hợp hòa 20-20, sẽ phát cầu luân lưu đến khi 1 bên cách biệt 2 điểm thì

hiệp đấu đó kết thúc (điểm tối đa của hiệp đấu là 25).

**14.3.** Mỗi trận đấu có 2 hiệp đấu, giữa 2 hiệp nghỉ 2 phút.

Nếu mỗi đội thắng 1 hiệp, sẽ quyết định trận đấu bằng hiệp thứ 3 (hiệp quyết thắng), điểm thắng của hiệp này là 15, trừ trường hợp hòa 14-14 thì sẽ phát cầu luân lưu đến khi 1 bên cách biệt 2 điểm thì trận đấu đó kết thúc (điểm tối đa của hiệp đấu là 17).

**14.4.** Ở hiệp thứ 3, khi tỷ số lên đến 8 thì hai bên sẽ đổi sân.

**14.5.** Trong tất cả các nội dung thi đấu, khi tỷ số là 14-14 hoặc 20-20, thì bên vừa ghi được điểm sẽ phát cầu và sau đó thì phát cầu luân phiên.

## **ĐIỀU 15. HỘI Ý**

- Mỗi đội được quyền xin hội ý không quá 2 lần, mỗi lần không quá 30 giây trong mỗi hiệp đấu khi cầu ngoài cuộc.

- Chỉ có huấn luyện viên hoặc đấu thủ đội trưởng trên sân mới có quyền xin hội ý.



Trong thời gian hội ý đấu thủ phải ở trong sân của mình.

## **ĐIỀU 16. TẠM DỪNG TRẬN ĐẤU**

- 16.1.** Trọng tài có thể tạm dừng trận đấu tối đa 5 phút trong trường hợp có vật cản, bị gây rối hay đấu thủ bị chấn thương cần cấp cứu.
- 16.2.** Bất cứ đấu thủ nào bị chấn thương cũng được phép tạm dừng trận đấu (nếu được trọng tài đồng ý) tối đa 5 phút. Sau 5 phút, đấu thủ không thể thi đấu thì tiến hành thay người. Nếu đội của đấu thủ bị chấn thương đã tiến hành thay người trong hiệp đấu đó rồi thì trận đấu sẽ kết thúc, với phần thắng cuộc nghiêng về đội đối phương.
- 16.3.** Trong trường hợp tạm dừng trận đấu, tất cả các đấu thủ không được phép rời sân để uống nước hay nhận bất kỳ sự trợ giúp nào.
- 16.4.** Trong các trường hợp nghỉ giữa các hiệp, đấu thủ không được rời sân thi đấu mà phải đứng ở phần sân của mình, hàng ghế dành cho đội.

## **ĐIỀU 17. KỶ LUẬT**

**17.1.** Mọi đấu thủ và huấn luyện viên phải chấp hành luật này.

**17.2.** Trong trận đấu chỉ có đội trưởng mỗi đội mới có quyền tiếp cận trọng tài.

## **ĐIỀU 18. PHẠT**

**18.1.** Phạt cảnh cáo (thẻ vàng):

Đấu thủ bị cảnh cáo và phạt thẻ vàng nếu đấu thủ đó phạm 1 trong 6 lỗi sau:

18.1.1. Có hành vi phi thể thao.

18.1.2. Thể hiện sự bất đồng bằng lời lẽ hoặc hành động.

18.1.3. Cố tình vi phạm luật thi đấu.

18.1.4. Trì hoãn việc bắt đầu trận đấu.

18.1.5. Vào sân hay quay trở lại sân không được phép của trọng tài.

18.1.6. Tự động rời sân mà không được sự cho phép của trọng tài.

**18.2.** Đuổi khỏi sân (thẻ đỏ):

Đấu thủ bị đuổi khỏi sân và phạt thẻ đỏ nếu phạm 1 trong 5 lỗi sau:

- 18.2.1. Phạm lỗi thi đấu nghiêm trọng.
- 18.2.2. Có hành vi bạo lực, gồm cả hành động cố ý nhằm làm đối thủ chấn thương.
- 18.2.3. Nhổ nước bọt vào đối phương hoặc bất cứ người nào.
- 18.2.4. Có hành vi tấn công, lăng mạ, sỉ nhục người khác bằng lời nói hoặc hành động.
- 18.2.5. Bị cảnh cáo lần thứ hai (nhận thẻ vàng thứ 2) trong cùng một trận đấu.

**18.3.** Đấu thủ bị phạt cảnh cáo hay bị đuổi, dù ở trong sân hay ngoài sân, dù trực tiếp đến đấu thủ, đồng đội, trọng tài, trợ lý trọng tài hay bất cứ ai khác thì bị kỷ luật theo mức độ vi phạm (thẻ vàng, thẻ đỏ áp dụng cả với huấn luyện viên).

## **ĐIỀU 19. ĐIỀU KHOẢN CHUNG**

Trong khi thi đấu nếu có thắc mắc hay có vấn đề gì phát sinh không đề cập trong bất cứ điều luật nào thì quyết định của Tổng trọng tài là quyết định cuối cùng.